

Bản án số: **31/2021/HS-ST**

Ngày: 14/04/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Viết Dũng**

Ông **Đặng Công Thắng**

**- Thư ký phiên toà:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:**  
Bà **Phan Thị Lưu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên toà để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLHS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

**NGUYỄN XUÂN H**, sinh ngày 23/9/1985 tại Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Phòng trọ số 7x đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Xuân T và bà Lê Thị Thanh L (*Đều còn sống*); Có vợ Nguyễn Thị S, và có 01 con chung (*sinh năm 2015*).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 21/10/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H:** Ông **Chế Giang Sơn** – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Gia, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Hồ Thanh C**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn T 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Phòng trọ số 7x đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 4x phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Ông **Đoàn Hải P**; sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Tổ 8x, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

***Người làm chứng:***

- Ông **Nguyễn Đình A**; sinh năm 1961; Nơi cư trú: tổ 5x, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Hồ Văn D**; sinh năm 1955; Nơi cư trú: tổ 2x, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 10 phút ngày 21/10/2020, tại đường Nguyễn Quý Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Xuân H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tiến hành kiểm tra thu giữ.

***\*Tang vật thu giữ gồm:***

- 01 (một) gói nylon màu trắng kích thước khoảng (3,5 x 7) cm bên trong chứa 10 (mười) viên nén màu xanh hình ngũ giác. Được niêm phong (**Ký hiệu A**); 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen, 01 (một) ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen; 01 (một) xe mô tô BKS: 92H-04xx nhãn hiệu Nouva, số khung 003033; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 92H-04xx; 01 (một) CMND mang tên Nguyễn Xuân H; và số tiền 4.000.000đ (**Bốn triệu đồng**).

Lúc 21 giờ 50 phút cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân H phát hiện 01 (một) túi màu đỏ bên trong có một túi nilông màu trắng kích thước (13,5 x 8) cm bên trong có chứa 190 (một trăm chín mươi) viên nén màu xanh hình ngũ giác. Được niêm phong (**Ký hiệu B**)

Tại kết luận giám định số: 314/GĐ-MT ngày 28/10/2020 của phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Mẫu viên nén màu xanh hình ngũ giác trong gói niêm phong (**Ký hiệu A, B**) gửi giám định là ma túy, loại MDMA khối lượng mẫu A: **4,203 gam**, mẫu B: **80,237 gam**.

***Quá trình điều tra xác định được:***

Nguồn ma túy loại thuốc lắc nêu trên do Nguyễn Xuân H mua của đối tượng tên H2 (**không xác định nhân thân, lai lịch**), tại thành phố Hồ Chí Minh thông qua mối quan hệ xã hội, H đã mua ma túy loại thuốc lắc của H2 gồm 03 (**ba**) lần cụ thể:

**Lần thứ 1:** Khoảng tháng 04/2020, H liên hệ với H2 mua 100 (một trăm) viên ma túy thuốc lắc, giá 20.000.000đ (**Hai mươi triệu đồng**) Hiếu vào trực tiếp thành phố Hồ Chí Minh nhận hàng đem về bán cho các đối tượng nghiện.

*Lần thứ 2:* Khoảng đầu tháng 8/2020, Hiếu vào gặp trực tiếp H2 tại thành phố Hồ Chí Minh mua 150 (*một trăm năm mươi*) viên ma túy thuốc lắc, giá 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), đem về bán cho các đối tượng nghiện.

*Lần 3:* Vào trưa ngày 19/10/2020, H gọi điện thoại cho H2 hỏi mua 200 (*hai trăm*) viên ma túy thuốc lắc. H2 đồng ý bán với giá 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) H chuyển khoản trước số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*) cho H2, còn nợ 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*). Đến chiều cùng ngày, H biết Hồ Thanh C đi thành phố Hồ Chí Minh thăm người chú bị ốm nên H đã đưa số điện thoại của H2 và số tiền 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) để liên lạc H2 trả nợ giúp H. Đến 16 giờ 30 phút ngày 20/10/2020, C điện thoại cho H nói đã thăm người chú xong, H nhắc C đi gặp H2. Sau đó C liên hệ gặp H2 trả tiền và H2 đưa cho C một gói hàng nói về đưa cho H (*Trước đó giữa H2 và H đã thỏa thuận cách thức giao dịch việc này cả hai không nói cho C biết, khi nhận gói hàng C không biết bên trong có chứa ma túy*). Khoảng 19 giờ ngày 20/10/2020 C bắt xe khách về Đà Nẵng, đến 13 giờ ngày 21/10/2020 C về tới Đà Nẵng thì H ra đón C chở về phòng trọ của H, tại đây C đã đưa gói hàng cho H. Cả hai nhậu đến 18 giờ 45 phút cùng ngày thì có người tên T (*không rõ nhân thân lai lịch*) hỏi mua 10 (*mười*) viên ma túy thuốc lắc với giá 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm đồng*) và hẹn giao dưới chân cầu N, thành phố Đà Nẵng. H rủ C đi ăn (*C không biết việc H đi giao ma túy*), C đồng ý đi, cả hai đi đến đường Nguyễn Quý Đ, thành phố Đà Nẵng, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ số ma túy nêu trên.

Nguyễn Xuân H đã bán ma túy cho các đối tượng sau:

Bán cho Trần Thị H 02 (*hai*) lần vào chiều ngày 14/10/2020 bán 15 (*Mười lăm*) viên ma túy thuốc lắc với giá 4.800.000đ (*Bốn triệu, tám trăm ngàn đồng*) và tới ngày 18/10/2020 bán 05 (*năm*) viên ma túy thuốc lắc với giá 1.700.000đ (*Một triệu, bảy trăm ngàn đồng*), số ma túy này H đã dùng hết.

Bán cho T (*không rõ nhân thân lai lịch*) 02 (*hai*) lần, lần 1 vào ngày 14/10/2020 số lượng 03 (*ba*) viên ma túy thuốc lắc với 900.000đ (*chín trăm ngàn đồng*) giao dịch tại hầm cầu N, Đà Nẵng và lần 02 (*hai*) ngày 21/10/2020 hai bên thống nhất giao dịch mua 10 (*mười*) viên ma túy thuốc lắc, H đang đi giao cho T thì bị bắt quả tang.

Bán cho Th (*không rõ nhân thân lai lịch*) 02 (*hai*) lần tại quán Bar T vào các ngày 18, 20/10/2020, mỗi lần 02 (*hai*) viên ma túy thuốc lắc với giá 700.000đ (*Bảy trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra H còn khai có người tên Th (*không rõ nhân thân lai lịch*) giới thiệu bán cho khách tại T được 02 (*hai*) lần mỗi lần 02 (*hai*) viên ma túy thuốc lắc với giá 700.000đ (*Bảy trăm ngàn đồng*) và người tên V (*không rõ nhân thân lai lịch*) giới thiệu bán cho một thanh niên (*không rõ tên*) 05 (*năm*) viên ma túy thuốc lắc với giá 1.500.000đ (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*); Đồng thời H còn khai nhận có mua ma túy loại Ketanine của đối tượng tên H3 (*không rõ nhân thân lai lịch*) về

bán cho một nam thanh niên có nick zalo “*Bakingss*” với số lượng 2,5gam Ketamine với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) giao dịch tại hầm N, Đà Nẵng.

Với nội dung trên: Tại Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 03/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân H như nội dung bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 03/03/2021, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, qua đó đề nghị HĐXX:

*Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

*Về hình phạt:*

*Căn cứ:* Điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

*Xử phạt* bị cáo Nguyễn Xuân H từ: 16 (*Mười sáu*) năm tù đến 17 (*Mười bảy*) năm tù.

*Về hình phạt bổ sung:* Xét gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, do đó không đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự xử lý như đã đề cập trong nội dung bản cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng pháp luật. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

Luật sư là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Hoàn toàn thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân H là đúng pháp luật, nên không có tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, luật sư cho rằng về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX xử phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc, bởi lẽ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, đã có một thời gian phục vụ trong Quân đội NDVN, gia đình bị cáo có nhiều người thân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì, Bà mẹ Việt Nam anh Hùng, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật truy tố nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật XHCN.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện VKS, luận cứ bào chữa của Luật sư người bào chữa cho bị cáo H, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định về ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2020 đến ngày 21/10/2020, bị cáo Nguyễn Xuân H đã nhiều lần lén lút thực hiện hành vi mua ma túy của một đối tượng tên H2 (*không xác định nhân thân, lai lịch*), tại thành phố Hồ Chí Minh gồm 03 (*lần*) với tổng số lượng 450 (*bốn trăm năm mươi*) viên ma túy thuốc lắc với số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) để bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích kiếm lời, trong đó bị cáo xác định bán cho đối tượng Trần Thị H 02 (*hai*) lần tổng cộng 20 (*hai mươi*) viên, giá 6.550.000đ (*Sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng*), bán cho Th (*không rõ nhân thân lai lịch*) 02 (*hai*) lần gồm 02 (*hai*) viên, giá 700.000đ (*Bảy trăm ngàn đồng*), và T (*cũng không rõ nhân thân lai lịch*) 02 (*hai*) lần cụ thể lần 1: ngày 14/10/2020 03 (*ba*) viên, giá 900.000đ (*chín trăm ngàn đồng*), lần 2 ngày 21/10/2020 số lượng 10 (*mười*) viên, khi đang trên đường giao ma túy cho T thì bị lực lượng Công an, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang thu giữ tang vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số: 314/GĐ-MT ngày 28/10/2020 của phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo nhằm mục đích bán là: 84,44 gam ma túy loại MDMA.

Với hành vi trên của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

*Xét thấy:* Tổng khối lượng ma túy: 84,44 gam loại MDMA mà bị cáo thực hiện hành vi mua bán là thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b

khoản 3 Điều 251 BLHS. Do đó, Bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 03/3/2021 của VKSND thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bởi lẽ: Ma túy là loại độc dược do Nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy Nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển...trái phép các chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra, mặc dù bị cáo nhận thức được tác hại của các chất ma túy nhưng vì muốn có nhiều tiền để phục vụ cho nhu cầu lợi ích bản thân nên bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật, nhiều lần lén lút thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng nghiện với số lượng lớn 84,44 gam. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ, chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng bắt, điều tra, truy tố bị cáo ra trước pháp luật để xử lý trừng trị riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5.1] *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ:*

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã có một thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, gia đình bị cáo có nhiều người thân có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất, Hạng nhì, đồng thời có bà nội được Nhà nước phong tặng “*Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng*” đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] *Về quyết định hình phạt:* Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, do đó cần tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét luận cứ bào chữa và đề nghị của luật sư người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa HĐXX thấy rằng: Về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, việc luật sư đề nghị áp dụng Điều 50 và khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định mức

hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt do điều luật quy định HĐXX không chấp nhận.

[8] *Hình phạt bổ sung:*

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng không đề nghị HĐXX áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo. HĐXX xét thấy, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[9] *Về biện pháp tư pháp:*

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy thu lợi bất chính được tổng cộng 6.600.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng*). Xét số tiền này do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, căn cứ vào Điều 46 và điểm b Điều 47 BLHS buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[10] *Về xử lý vật chứng:*

Hiện nay Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ các vật chứng gồm: 01 (một) mẫu vật (*ma túy*) hoàn trả sau giám định số: 314/GĐ-MT ngày 28/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số seri 1: 353112113722047; số seri 2: 353112118722079 , sim số: 0902.426.6xx; 01 (một) ĐTDĐ hiệu hiệu Samsung màu đen có số Imel 1: 355045112974635/01; số Imel 2: 355046112974633/01, sim số: 0906.713.6xx; 01 (một) CMND mang tên Nguyễn Xuân H và số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Căn cứ Điều 47 Bộ Luật Hình Sự và Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự xử lý như sau:

[10.1] Đối với vật chứng do phạm tội không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với vật chứng do phạm tội nhưng có giá trị sử dụng thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10.3] Đối với vật chứng không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quy trữ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án;

[10.4] Đối với vật chứng là loại giấy tờ tùy thân thì trả lại cho bị cáo.

[11] *Các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:*

[9.1] Đối với các đối tượng gồm H2, H3, T, Th, V và “Bakings” là những đối tượng mua bán ma túy, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau. HĐXX không đề cập.

[9.2] Đối với bà Trần Thị H người mua ma túy của bị cáo để sử dụng, tuy nhiên tại thời điểm làm việc với Cơ quan điều tra không còn sử dụng trái phép chất ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là phù hợp. HĐXX không xem xét.

[9.3] Đối với ông Nguyễn Thanh C không biết việc H mua bán ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là có căn cứ HĐXX không xem xét.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**I. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

**1.1. Căn cứ:** Điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

*Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Xuân H: **16 (mười sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/10/2020.

**II Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H nộp lại số tiền 6.600.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng*) là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

**III. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

**\*Tuyên:**

**A.** Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) bì thư đã niêm phong mẫu vật (*ma túy*) hoàn trả sau giám định số: 314/GĐ-MT ngày 28/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và các sim điện thoại số: 0902.426.6xx; 0906.713.6xx;

**B.** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- 01(một) ĐTDĐ hiệu Nokia màu đen có số seri 1: 353112113722047; số seri 2: 353112118722079;

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu hiệu Samsung màu đen có số Imel 1: 355045112974635/01; số Imel 2: 355046112974633/01.

**C.** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nhưng tiếp tục quy trừ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án;

- 01 (một) CMND mang tên Nguyễn Xuân H.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Cục Thi hành án TP Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2021 và BL thu tiền số: 0909 ngày 10/3/2021.



**IV. Về án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

**V. Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 47 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Vĩnh Chuyển**